

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

Sơ Lược Tiểu Sử

ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT
NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM

Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2016
hai • không • một • sáu

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **ĐAOCÀODÀI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn Soạn Giả **TÙNG THIÊN TỬ BẠCH HẠC, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE ĐAOCÀODÀI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIAO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 25/03/2019

Tâm Nguyên

Sơ Lược Tiểu Sử
ĐỨC QUAN THỂ ÂM BỒ TÁT
NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM
Tùng Thiên - Từ Bạch Hạc

MỤC LỤC

ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT – NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM.....	7
▪ Sự tích 1: QUAN ÂM THỊ KÍNH	10
▪ Sự tích 2: QUAN ÂM DIỆU THIÊN hay QUAN ÂM NAM HẢI.....	14



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT – NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM^[1]



ĐỨC PHẠM HỘ PHÁP THUYẾT ĐẠO TẠI TÒA THÁNH, NGÀY 28-6-Mậu Dần (dl 25-7-1938), có giảng giải: Tại sao thờ Tam Trấn Oai Nghiêm?

«Bởi Hạ nguơn cận mẫn, nhưn vật đổi dời, đạo đức nhưn nghĩa luân lý cang thường đều bị lượn sóng văn minh vật chất làm hư hoại. Tam giáo đã thất chơn truyền do nơi tay phàm canh cải thành ra dị đoan bất chánh, nên Đức Chí Tôn khai Đại Đạo là cơ quan chuyển thế, phục lại Thượng nguơn cho thuận theo lẽ tuần hoàn qui cố.

Quan có nghĩa là quan sát, xem xét, cũng có nghĩa là nghe biết. Thế là đời, là cõi trần. Âm là tiếng nói, âm thanh. Quan Thế Âm Bồ Tát là một vị Bồ Tát nhận biết được tiếng kêu cứu của chúng sanh nơi cõi trần, Ngài liền hiện đến để cứu khổ cứu nạn cho chúng sanh.

Do đó, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát còn được gọi là: **Tâm Thịnh Cứu Khổ Cứu Nạn Quan Thế Âm Bồ Tát, Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Linh Quan Thế Âm Bồ Tát**, hay gọi tắt là: **Quan Âm Bồ Tát** hay **Quan Âm Như Lai**.

Ngài là một vị Nữ Phật, nhưng còn mang danh hiệu Bồ Tát là vì Ngài còn nhiệm vụ cứu độ chúng sanh.

Phật giáo Tây Tạng gọi Ngài là Quán Thế Âm Phật, là vị Phật Nam, hộ trợ xứ Tây Tạng. Người Tây Tạng đều tin

[1] Tiểu Sử ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT – NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM được trích ra từ Quyển CÁC ĐẰNG THIÊNG LIÊNG do Tùng Thiên-Từ Bạch Hạc biên soạn.

rằng, chính Ngài chuyển hóa vào thân Đức vua Đạt-Lai-Lạt-Ma cai trị xứ Tây Tạng, nên dân Tây Tạng xem Đức Đạt-Lai-Lạt-Ma là vị Phật sống của họ.



Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có một hiện thân gồm 11 cái mặt, 1000 cánh tay, 1000 con mắt, có 108 hồng danh. Ngài ngự tại Đền Potala nơi kinh đô xứ Lhassa, Tây Tạng. Ở Trung Hoa và Việt nam, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật do 2 truyện tích: Quan Âm Thị Kính và Quan Âm Diệu Thiện. Bất cứ hạng nào trong chúng sanh, khi bị

lâm nguy tánh mạng, như gặp phải tai nạn lửa cháy, tai nạn chìm tàu, bị cướp hãm hại, bị tra khảo, tù đày oan ức, vv ... nếu thành tâm niệm danh hiệu của Ngài để cầu cứu thì Ngài liền hiện đến mà cứu giúp cho tai qua nạn khỏi.

Trong Đạo Cao Đài, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là vị Nữ Phật, đại diện Đức Phật Thích Ca, lãnh lĩnh Đức Chí Tôn làm Đệ Nhị Trấn Oai Nghiêm, cầm quyền Phật giáo trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Trên tấm diềm phía trước Bát Quái Đài Tòa Thánh, tượng của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ngự trên tòa sen, gần bìa phía tay mặt của Đức Lão Tử, thuộc bên Nữ phái.

Trong LUẬT TAM THẾ, Bát Nương có giảng cơ dạy rằng: *“Dưới quyền của Phật Mẫu có Cửu Tiên Nương trông nom về Cơ Giáo hóa cho vạn linh, còn ngoài ra có hằng hà sa số Phật trông nom về Cơ Phổ độ mà Quan Thế Âm Bồ Tát là Đấng cầm đầu. Quan Thế Âm Bồ Tát ngự tại Cung Nam Hải, ở An Nhàn Động, còn Cung Diệu Trì thì ở tại Tọa Hóa Thiên.”*

Theo các kinh sách truyền lại, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có 33 kiếp giáng trần, khi thì làm Nam nhi, khi thì làm thiếu nữ, khi thì giáng sanh vào nơi cao sang quyền quý, khi thì vào nơi bần cùng nghèo khổ, khi thì làm Đạo sĩ, khi thì làm Tỳ Kheo... Có 2 kiếp giáng trần làm phụ nữ của Ngài được người đời truyền tụng, đó là kiếp thứ 10: Ngài giáng trần làm nàng Thị Kính ở nước Cao Ly (Triều Tiên), tu hành đặc đạo, gọi là Quan Âm Thị Kính; và kiếp giáng trần sau chót ở nước Ấn Độ là Công Chúa Diệu Thiện, cũng tu hành đặc đạo tại Phổ Đà Sơn ở Nam Hải, nên gọi là Quan Âm Diệu Thiện.

Sau đây xin ghi lại 2 sự tích nổi tiếng này:

SỰ TÍCH 1: QUAN ÂM THỊ KÍNH

DỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT ĐÃ ĐẦU THAI XUỐNG TRẦN TU HÀNH ĐƯỢC 9 KIẾP RỒI, ĐẾN KIẾP THỨ 10, Ngài giáng sanh vào nhà họ Mãng ở nước Cao Ly. Hai Ông Bà họ Mãng đã lớn tuổi rồi, nhà lại giàu có, nhưng chưa có con. Ngày kia, hai vợ chồng lên chùa cầu tự, sau đó có thai và sanh được một gái, dung nghi đẹp đẽ, tướng mạo đoan trang, đặt tên là Thị Kính.

Khi nàng Thị Kính đến tuổi cập kê, gần đó có chàng Thiện Sĩ, con nhà họ Sùng, cậy mai mối đến hỏi cưới Thị Kính. Vợ chồng Mãng Ông thấy phải đôi lứa nên bằng lòng gả Thị Kính cho Thiện Sĩ. Nàng Thị Kính rất buồn bã vì phải về ở nơi nhà chồng, không ai săn sóc cha mẹ. Cha mẹ nàng an ủi: *«Cha mẹ sanh con gái đến tuổi khôn lớn gả chồng, làm đẹp mày đẹp mặt cho cha mẹ là đủ rồi. Vả lại, nhà bên chồng của con cũng ở gần đây thì sự thăm viếng cũng thuận tiện.»*

Từ khi về nhà chồng, nàng Thị Kính giữ một mực tôn kính, phụng sự nhà chồng, trong ấm ngoài êm, ai nấy đều khen ngợi. Một ngày kia, nàng đang ngồi may vá, chàng Thiện Sĩ đọc sách mỗi mệ, đến gần chỗ nàng ngồi may nằm nghỉ và ngủ quên. Nàng thấy nơi càm chồng có mọc sợi râu bất lợi, nên sẵn cầm dao nhíp nơi tay, nàng đưa dao cắt đứt. Bỗng chàng Thiện Sĩ giật mình thức dậy, thấy vợ đang cầm dao đưa ngay vào cổ mình, vụt la hoảng: *«Vợ tôi muốn giết tôi.»*

Trong nhà vỡ lở, cha mẹ chồng chạy ra gạn hỏi, nàng cứ tình thật trình bày. Không ngờ cha mẹ chồng quá nghiêm

khắc, bắt tội nàng mưu giết chồng, buộc Thiện Sĩ phải làm tờ thôi vợ, rồi cho mời Mãng Ông tới để lãnh con gái về.

Nàng Thị Kính phải mang mối hàm oan, đành lạy từ cha mẹ chồng, theo Mãng Ông trở về nhà. Nàng buồn bã muôn phần, một là buồn cho số phận xui xẻo, hai là buồn cho cha mẹ phải mang điều phiền não. Nàng than rằng: Nếu nàng có anh em đông thì nàng đành quyền sinh để khỏi mang tiếng như như thế. Nhưng vì nàng là con một, nên nàng không dám hủy mình, sợ mang tội bất hiếu, mà ở như thế này thì cũng rất khổ tâm, cho nên nàng quyết định xuất gia, lo tu hành cho đắc đạo, rồi sẽ trở về độ cha mẹ.

Nàng lén cải trang thành một Nam tử, rồi bỏ nhà trốn đi, đến một ngôi chùa nọ thì gặp Sư cụ đang thuyết pháp. Nàng thấy Sư cụ là bậc chơn tu, nên xin Sư cụ cho thọ pháp qui y.

Sư cụ gạn hỏi nhiều lần, vì Sư cụ thấy trang thiếu niên này còn trẻ quá mà sao lòng chán đời, đến nương nhờ cửa Phật, gột rửa lòng phàm. Sư cụ thấy lòng thành và chí quả quyết của người thiếu niên, nên cho thọ pháp qui y, đặt Pháp danh là Kính Tâm, và nhận Kính Tâm làm đệ tử.

Sãi Kính Tâm là gái giả trai, nên dung mạo đẹp đẽ, làm cho hàng tín nữ trầm trồ, nhứt là nàng Thị Mầu, con của một vị trưởng giả giàu có ở vùng ấy. Thị Mầu nhiều lần trêu ghẹo Sãi Kính Tâm, đưa lời ong bướm, nhưng Kính Tâm vẫn trơ trơ như không hay biết. Thị Mầu quá si mê Kính Tâm, trong một lúc quá bồng bột, không kiềm giữ được lòng dục, nàng tư thông với đứa tớ trai của nàng, khiến nàng có thai.

Làng xã thấy nàng Thị Mầu không chồng mà có chửa, nên gọi nàng và cha mẹ nàng đến tra hỏi. Nàng khai rằng, nàng có tư tình với Sãi Kính Tâm nên mới ra cơ sự, và xin làng rộng tình cho Kính Tâm hoàn tục kết duyên với nàng.

Trống mõ inh ỏi, cửa Thiền xưa nay êm lặng, phút chốc trở nên huyền ảo, người làng đến đòi Sư Ông và Sãi Kinh Tâm ra làng dạy việc. Thầy trò không biết việc gì, cùng dắt nhau đi, đến nơi mới hay tự sự. Tá hỏa tâm thần, thầy hỏi trò có sao cứ khai cho thiệt. Kinh Tâm một mực kêu oan, chớ không dám nói điều chi khác nữa.

Kinh Tâm bị làng đem ra tra tấn, đòn bộng, máu đổ thịt rơi, mấy lần bất tỉnh, nhưng Kinh Tâm vẫn một mực kêu oan. Sư Cụ động mối từ tâm, đứng ra xin bảo lãnh cho trò để đem về khuyên nhủ dạy răn. Thấy thế, Hương chức làng cũng niệm tình ưng thuận. Sau đó Sư Cụ bảo Kinh Tâm phải ra ngoài cổng Tam quan của chùa mà ở để tránh tiếng không tốt cho chùa.

Thời gian trôi qua, Thị Mâu sanh được một đứa con trai, nàng liền bồng đứa hài nhi đến cổng chùa giao cho Sãi Kinh Tâm, nói rằng: *«Con của người thì đem trả cho người.»* Sãi Kinh Tâm đang tụng kinh, đứa hài nhi bị bỏ dưới đất, giãy giụa khóc la. Kinh Tâm nghe tiếng trẻ khóc, động mối từ tâm, chẳng cần dư luận, bèn ra ẵm đứa bé đem vào nuôi dưỡng.

Sư Cụ trách Kinh Tâm: *«Trước kia, con nói con bị hàm oan, mà nay con lại nuôi đứa bé này, chính thầy đây cũng phải nghi ngờ nữa, huống chi là ai,»* Kinh Tâm bạch rằng: *«Bạch Sư phụ, khi xưa Sư phụ có dạy đệ tử rằng, cứu đặng một người thì phước đức hà sa. Đệ tử vâng theo lời thầy nên mới cứu mạng đứa bé này, chớ kỳ thật con không có ý chi hết.»*

Đứa trẻ càng lớn càng giống Kinh Tâm như hệt, lại có vẻ thông minh. Khi đứa bé được 3 tuổi thì Kinh Tâm lâm trọng bệnh, biết mình sắp lìa trần theo Phật, nên Kinh Tâm rón gối dậy viết 2 bức thơ: Một gửi cho Sư Cụ, hai là gửi

cho cha mẹ ruột, ông bà họ Mãng, rồi dặn kỹ hài nhi làm đúng theo lời dặn. Khi Sãi Kinh Tâm tắt hơi, đưa bé kêu cha khóc lóc một hồi, rồi nhớ lời cha dặn, liền đem thư vào đưa cho Sư Cụ.

Sư Cụ mở thư ra, xem xong trong lòng rất buồn thương tiếc, sai vài vị Ni cô ra khám xét thi thể của Kinh Tâm, thì rõ ràng Kinh Tâm là gái giả trai. Tin Sãi Kinh Tâm là gái giả trai được truyền đi mau lẹ trong làng, làm mọi người hết sức ngạc nhiên. Hương Chức trong làng đòi Thị Mầu tới, buộc tội cáo gian, phạt phải chịu tổn phí về các cuộc tống táng và làm ma chay cho Kinh Tâm.

Thị Mầu quá xấu hổ, bèn liều mình quỳên sinh. Đến ngày an táng Sãi Kinh Tâm, tức là nàng Thị Kính, mọi người đều nhìn thấy Đức Phật ngự tòa sen hiện ra ở trên mây, rước hồn của nàng Thị Kính về cõi Tây phương.

Chàng Thiện Sĩ rất ăn năn hối lỗi, nên phát nguyện tu hành. Tục truyền rằng, Đức Quan Âm Bồ Tát nhận thấy chàng Thiện Sĩ thật tâm hối lỗi và quyết chí tu hành, nên hiện đến cứu độ, đem về Nam Hải, hóa thành một con chim đậu một bên Đức Quan Âm Bồ Tát, mổ ngậm râu chuỗi bồ đề. Quan Âm Bồ Tát cũng cứu độ đứa con nuôi, con ruột của Thị Mầu, đem về Nam Hải, đứng hầu bên Ngài.

Do đó, người ta họa hình Đức Quan Thế Âm Bồ Tát đội mũ ni xanh, mặc áo tràng trắng, ngự trên tòa sen, bên tay mặt có con chim mổ ngậm râu chuỗi bồ đề, bên dưới có đứa trẻ bện khôi giáp chấp tay đứng hầu.

Đó là lấy theo sự tích Quan Âm Thị Kính.

SỰ TÍCH 2: QUAN ÂM DIỆU THIỆN HAY QUAN ÂM NAM HẢI

THEO SỰ KHẢO CỨU CỦA HỌC GIẢ DE GROOT, NGƯỜI HÒA LAN, KIẾP CHÓT CỦA ĐỨC QUAN THẾ ÂM BỒ TÁT là Công Chúa Diệu Thiện, con của vua Linh Ưu nước Hưng Lâm, một Tiểu quốc của Ấn Độ, ở về phía Đông Ấn Độ.

Từ ngày nhà vua lên ngôi đến nay đã 40 năm mà Hoàng Hậu Bửu Đức không hạ sinh được một vị Hoàng tử nào. Nhà vua cùng Hoàng Hậu đi lên núi Huê sơn cầu tự. Trên núi Huê sơn có một vị Thần rất linh hiển, ai cầu chi được nấy. Cầu tự xong, ít lâu sau, Hoàng hậu có thai, sinh đặng một Công Chúa, đặt tên là Diệu Thanh. Sau đó lại tiếp tục có thai sinh thêm 2 nàng Công Chúa nữa là: Diệu Âm và Diệu Thiện; không sinh được một Hoàng Tử nào.

Ba nàng Công Chúa lớn lên, nhà vua định hôn cho 2 chị của Diệu Thiện là Diệu Thanh và Diệu Âm, với 2 vị quan trẻ tuổi và tài giỏi trong triều đình; còn nàng con gái út Diệu Thiện thì nhứt định không chịu lấy chồng, mà lại còn có ý xin phép vua cha và mẫu hậu xuất gia tu hành.

Vua Linh Ưu tức giận, đày nàng Diệu Thiện vào ở trong Hoa Viên lo việc gánh nước tưới hoa, và làm các công việc cực khổ khác; đồng thời cho người khuyến dụ nàng từ bỏ ý định đi tu, nhưng nàng nhứt định cam chịu khổ sở chớ không chịu từ bỏ ý định tu hành. Thấy vậy, Hoàng Hậu rất đau lòng, liền xin với vua Linh Ưu cho Diệu Thiện vào chùa Bạch Tước tu hành. Nhà vua chấp thuận, và ngầm ra

lệnh cho các tăng ni trong chùa bắt Diệu Thiện làm các công việc nặng nhọc vất vả, để nàng không chịu nổi mà sớm trở về Cung nội.

Diệu Thiện, tâm vẫn cương quyết, làm đầy đủ các bốn phận, dầu rất cực khổ, nhưng không một tiếng than, và luôn luôn lo việc tu hành. Nhà vua thấy cách nầy thất bại, nên nghĩ ra cách sai lính đốt chùa, để nàng Diệu Thiện không còn nơi tu hành, đành phải trở về Cung nội. Quân lính phóng hỏa khắp 4 mặt, các tăng ni hốt hoảng lo chạy thoát thân, riêng nàng Diệu Thiện vẫn điềm tĩnh, nàng làm râm cầu nguyện, rồi lấy cây trâm chích vào lưỡi, ngược mặt phun máu lên không, tức thì mây đen hiện ra, giây lát mưa tuôn xối xả, dập tắt hết các ngọn lửa. Quân lính đều hết sức kinh ngạc.

Nhà vua không vì sự mâu nhiệm đó mà hối hận việc làm, lại bắt nàng Diệu Thiện về triều, tổ chức các cuộc đàn hát vui chơi, để làm cho nàng Diệu Thiện say mê, bỏ việc tu hành. Nhưng vua cha vẫn thất bại với Đạo tâm vững chắc của nàng con gái út. Nhà vua quá tức giận vì không thực hiện được ý mình, nên ra lệnh tối hậu cho nàng Diệu Thiện chọn một trong 2 điều: Một là phế việc tu hành, lo bề gia thất; Hai là chịu xử trảm vì cãi lệnh vua cha. Nàng Diệu Thiện nhứt quyết chịu chết chứ không chịu bỏ việc tu hành. Thần Hoàng Bồn Cảnh vội vã bay về Trời tâu trình Thượng Đế, và Đức Thượng Đế ra lệnh cho Thần mau trở về bảo hộ nàng Diệu Thiện.

Diệu Thiện bị đưa ra pháp trường hành quyết. Khi đao phủ đưa đao lên định chém xuống thì đao liền gãy nát; lại lấy cung tên đặt bắn cho chết thì khi mũi tên gần tới Diệu Thiện thì mũi tên bị gãy nát. Thấy không giết được Diệu Thiện bằng 2 cách trên, kẻ hành quyết liền dùng 2 bàn tay đến siết cổ Diệu Thiện. Bông đầu cuông phong nổi lên, cát

bay đá chạy, thiên ám địa hôn, một đạo hào quang bay đến bao phủ nàng Diệu Thiện, rồi Thần Hoàng hóa thành một con hổ lớn công Công Chúa Diệu Thiện chạy bay vào rừng. Các quan giám sát cuộc hành quyết bị một phen hoảng vía, trở về triều báo cáo lại với vua Linh Ưu tất cả các việc.

Nhà vua không chút nao núng phán rằng: “*Công Chúa mang tội bất hiếu nên bị cọp tha mất xác cho đáng kiếp.*”. Công Chúa Diệu Thiện bất tỉnh, hồn Công Chúa thấy một vị Sư giả mặc áo xanh, tay cầm tờ giấy nói rằng: “*Diêm Vương mời nàng xuống Diêm Cung để xem các cảnh khổ não và những hình phạt nặng nề những linh hồn mà trong kiếp sanh đã làm nhiều điều ác độc.*”

Thập Điện Diêm Vương cũng muốn nghe nàng thuyết pháp. Công Chúa vâng lệnh, dùng tâm từ bi và sức thần thông thuyết pháp cho 10 vua nghe, các tội hồn trong ngục cũng được nghe và liền giác ngộ. Trong phút chốc, chốn U Minh thành Lạc Cảnh, và các tội hồn đều được thoát ra khỏi ngục, đầu kiếp trở lại cõi trần.

Thấy các cửa ngục đều trống trơn, Thập Điện Diêm Vương vội đưa hồn Diệu Thiện trở lại dương thế và cho nhập vào xác. Nàng tỉnh dậy, thấy mình đang nằm giữa rừng vắng vẻ, không biết phải làm sao và đi phương nào. Đức Phật Nhiên Đăng hiện ra trên mây, bảo nàng hãy đi ra biển Nam Hải, đến núi Phổ Đà, tu hành thêm một thời gian nữa thì sẽ đắc đạo, đạt vị Như Lai. Muốn đi đến đó, phải trải qua 3000 dặm đường. Đức Phật Nhiên Đăng lại tặng cho nàng một trái Đào Tiên, ăn vào không biết đói khát trọn năm, mà còn được trường sanh bất lão.

Nàng Diệu Thiện nhận lãnh và bái tạ Đức Phật, đoạn nàng tìm đường đi đến Nam Hải. Thái Bạch Kim Tinh hiện

xuống, truyền cho Thần Hoàng biển ra Thần hổ, công Diệu Thiện đến Phổ Đà Sơn cho mau lẹ.

Tại Phổ Đà Sơn, nàng Diệu Thiện tu thiền định trong 9 năm, đạo pháp đạt được cao siêu.

Ngày 19 tháng 2 năm ấy, là ngày thành đạo của Công Chúa Diệu Thiện. Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật, đến chúc mừng và xưng tụng vị Bồ Tát mới đắc đạo. Công Chúa Diệu Thiện ngự trên tòa sen, hào quang sáng lòa, xưng là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Lúc ấy chư Thánh muốn lựa một Đồng tử để theo hầu Ngài, thì may đâu lúc đó có một vị tên là Hoàn Thiện Tài, mồ côi cha mẹ, phát nguyện tu hành, qui y Phật pháp, nhưng chưa chứng quả, nay nghe nơi Phổ Đà Sơn có một vị Bồ Tát mới đắc đạo, nên xin đến hầu Ngài. Trước khi chấp thuận lời thỉnh cầu ấy, Đức Quan Âm muốn thử tâm chí của Thiện Tài ra sao. Ngài truyền cho Sơn Thần Thổ Địa hóa làm ăn cướp đến bắt Ngài, Ngài giả bộ sợ sệt kêu la cầu cứu và ngã té xuống hố sâu. Thiện Tài chạy đến cứu thầy, và nhảy theo xuống hố. Thiện Tài thiệt mạng, chơn hồn liền xuất ra khỏi xác, đến hầu Đức Quan Thế Âm Bồ Tát và được thân làm đệ tử. Về sau, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát thân thêm Long Nữ, con gái của Đệ Tam Thái Tử của Long Vương Nam Hải, làm đệ tử.

Nguyên ngày kia, Long Nữ hóa làm con cá đi dạo chơi trên mặt biển, chẳng may bị một ông chài bắt được. Ông đem cá ấy ra chợ bán. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát biết được, sai Thiện Tài Đồng tử hóa ra một người thường, đi ra chợ hỏi mua con cá ấy, rồi đem ra biển Nam thả xuống. Nam Hải Long Vương nhớ ơn cứu tử cháu nội của mình, nên dạy Long Nữ đem một cục ngọc quý là Dạ Minh Châu đến dâng

cho Bồ Tát để Bồ Tát đọc sách ban đêm mà không cần đèn. Long Nữ đến dâng ngọc xong, lòng hết sức cảm phục Bồ Tát, nên xin qui y và được Bồ Tát thu làm đệ tử.

Từ ấy, Thiện Tài Đồng Tử và Long Nữ luôn luôn theo bên cạnh để lo phụng sự Bồ Tát.

Nhắc lại, từ khi vua Linh Ưu ra lệnh giết chết Diệu Thiện, và Diệu Thiện được Thần Hoàng cứu thoát, nhà vua mắc một chứng bệnh nan y vô cùng khổ sở, thân thể nhà vua bị lở loét ngoài da cùng mình, mùi hôi thối xông ra nồng nặc, nhứt nhối đau đớn vô cùng. Nhiều danh y tới điều trị mà bệnh vẫn không thuyên giảm chút nào.

Đức Quan Thế Âm Bồ Tát ở Nam Hải hay biết việc đó, nên Ngài hóa ra một vị sư già, đi đến kinh thành xin vào trị bệnh cho vua Linh Ưu. Sau khi xem mạch vua, vị sư già tâu: “Bệnh của Bệ hạ do oan nghiệt nhập với chất độc cao lương mỹ vị và tửu nhục hằng ngày, nên phát sanh ra ngoài da thành bệnh nan y. Nếu muốn chữa lành thì phải có đôi mắt và đôi cánh tay của một người con thì mới chế thuốc được.

Nghe vậy, nhà vua cho đòi 2 Công Chúa Diệu Thanh, Diệu Âm và 2 Phò Mã đến, rồi nhà vua lập lại lời nói của vị sư già, hỏi xem có đứa con nào dám hy sinh để trị bệnh cho vua cha không?

Hai Công Chúa cùng tâu: *“Xin Phụ vương đừng nghe lời ông sãi mồm này, bởi vì một người bị khoét đôi mắt và bị chặt hết 2 tay thì dù có sống cũng chẳng ra chi. Chẳng lẽ cứu bệnh một người mà lại hủy hoại một người khác hay sao?”*

Vua Linh Ưu chợt nhớ tới Công Chúa út là Diệu Thiện, liền than: *“Nếu Diệu Thiện còn sống thì Trẫm ắt lành bệnh, vì Diệu Thiện sẽ hy sinh cho Trẫm.”*. Vị Sư già liền tâu: *“Tâu Bệ hạ, Bản tăng biết rõ Công Chúa Diệu Thiện hiện vẫn còn*

sống, ở tại núi Phổ Đà, biển Nam Hải. Xin Bệ hạ cho người đi đến đó, tìm Công Chúa Diệu Thiện thì may ra chế được thuốc cho nhà vua. Bần tăng xin để thuốc lại đây, khi nào có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện đem về thì nhập với thuốc này, nấu chung lại, rồi trong uống, ngoài thoa, bệnh của Bệ hạ sẽ hết ngay.”

Vị Sư già nói xong thì từ giã nhà vua trở về núi.

Vua Linh Ưu rất mừng, liền cho sứ giả sắp đặt hành trang lên đường đi Nam Hải, tìm Công Chúa Diệu Thiện. Khi sứ giả đến được Phổ Đà Sơn thì gặp một Đồng tử bưng ra một cái mâm phủ vải trắng còn thắm máu tươi, trong đó có đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện, đem ra trao cho sứ giả và nói:

“*Đây là đôi mắt và 2 cánh tay của Công Chúa Diệu Thiện, sứ giả hãy mau đem về chế thuốc trị bệnh cho vua.*”. Hoàng Hậu khi nhìn thấy sứ giả đem đôi mắt và đôi tay của Diệu Thiện về, còn dính máu tươi thì òa lên khóc mướt. Thị vệ liền đem nấu với thuốc do vị Sư già để lại, cho nhà vua uống phân nửa, còn phân nửa để thoa lên khắp mình mẩy, phút chốc, thân thể nhà vua lành lặn như xưa, hết đau nhức, mà lại còn cảm thấy khỏe khoắn hơn trước.

Vua Linh Ưu và Hoàng Hậu cảm mến ơn nghĩa của Diệu Thiện, nên quyết định đi ra Phổ Đà Sơn một chuyến để tạ ơn. Xa giá đang trình, gặp không biết bao nhiêu nguy hiểm, nhưng đều được Quan Âm Bồ Tát dùng thần thông cứu khỏi. Đến nơi, vua Linh Ưu và Hoàng Hậu thấy một vị Bồ Tát đang ngự trên tòa sen, nhưng mất cả 2 cánh tay và 2 con mắt. Vua biết đó là Công Chúa Diệu Thiện, con của mình, nên vô cùng xúc động, nhớ lại mà ăn năn sám hối lỗi lầm, rồi đồng quì xuống cầu nguyện cùng Trời Phật xin cho Công Chúa được lành lặn như xưa.

Sự thành tâm cầu nguyện của vua và Hoàng Hậu có

kết quả, Bồ Tát Diệu Thiện liền hiện hào quang với đầy đủ 2 tay và 2 mắt như lúc trước. Lúc ấy, vua và Hoàng Hậu đều giác ngộ, quyết rời bỏ điện ngọc ngai vàng, đem mình vào chốn Thiền môn, lo tu hành cầu giải thoát.

Nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát:

Đức Chí Tôn giảng cơ cho biết, nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do Đức Từ Hàng Bồ Tát biến thân.

TNHT. I. 31: “*Người ta gọi Quan Âm là Nữ Phật Tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhơn biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương.*” (Nhà Thương bên Tàu khởi đầu từ năm 1766 và dứt vào năm 1122 trước Tây lịch). Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo nhân ngày Vía Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, tại Đền Thánh, thời Tý ngày 19-2-Kỷ Sửu (1949), cũng có nói như sau:

“Hôm nay là ngày vía của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Bản đạo đã thường nói, nơi của Thiêng liêng Hằng sống, Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng ở trong gia tộc sang trọng và oai quyền hơn hết.

Cái nguyên căn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát là do nơi Pháp thân của Từ Hàng sản xuất...”

Do đó, trong Kinh Đệ Bát Cửu có câu:

*Cung Tận Thúc thân thông biến hóa,
Phổ Đà Sơn giải quả Từ Hàng.*

Như vậy, chúng ta có thể hiểu rằng, Đức Từ Hàng Bồ Tát chiết chơn linh giáng trần, tu hành qua nhiều kiếp, cuối cùng đắc đạo tại Phổ Đà Sơn, hiệu là Quan Thế Âm Bồ Tát.

Trong con đường Thiêng liêng Hằng sống, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết đạo cho biết, “*Đức Quan Thế Âm Bồ Tát vâng lệnh Đức Phật Vương Di-Lạc “chèo thuyền Bát Nhã*

Ngân Hà độ sanh”. Bản đạo chỉ nói nơi xa xăm của chúng ta đi qua, chúng ta thấy hình trạng Bát Quái Đài, dưới chân có Thất đầu xà, và dưới mình của Thất Đầu Xà là Khố Hải, tức là cảnh trần của chúng ta đó vậy.

Bên kia, có liên tiếp mật thiết vô một nẻo sông Ngân Hà, rồi Bản đạo chỉ cho hiểu rằng, từ Khố Hải về cảnh Thiêng liêng Hằng sống phải đi ngang qua Ngân Hà, có một chiếc Thuyền bát Nhã của Đức Quan Âm Bồ Tát, vâng lệnh Đức Di-Lạc Vương Phật, chèo qua lại sông Ngân Hà và Khố Hải đặng độ sanh thiên hạ.”

Hội Thánh của Đạo Cao Đài chọn ngày 19 tháng 2 âm lịch là ngày thành đạo của Công Chúa Điều Thiên làm ngày Vía Kỷ niệm Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Hằng năm, khi đến ngày này, tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương đều thiết lễ Đại Đàn cúng Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, có Chức sắc thuyết đạo nhắc lại công đức và nhiệm vụ của Ngài trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

KINH CỨU KHỔ là bài kinh đặc biệt cầu nguyện Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn chúng sanh. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát có giáng cơ ban cho 2 Bài Kinh Thiên đạo là:

- Kinh Hạ Huyệt
- Kinh Khai Cửu, Đại Tường và Tiểu Tường.

Trong TNHT, có đăng nhiều bài Thánh giáo của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát. Mặt khác, trong Kinh Tam Ngươn Giác Thế, cũng có một bài Thánh giáo của Ngài, xin trích ra sau đây:

Đêm mùng 2 tháng 11 năm Tân Mùi (1931).

THI

*Nhứt hoành nhị thập kiến giai thì,
Lục nhứt đạo thành hiệp nhứt chi.
Thứ kỷ thương nhơn tâm bất tại,
Nhị nhơn thê mộc diệt nguyên qui*

Giải rõ thi chiết tự:

Nghe ta giải, khá chép mỗi hàng là 12 chữ:

Hai mươi, chữ Nhứt, chữ Giai hiệp chữ Kiến là chữ:

QUAN.

Chữ Lục hiệp với chữ Nhứt và chữ Nhứt là chữ: ÂM.

Chữ Thứ mà bỏ bớt chữ Tâm còn lại chữ: NHƯ.

Chữ Mộc mà thêm vô 2 chữ Nhơn gọi là chữ: LAI.

DIỄN DỤ

Phàm làm người ở thế gian, một kiếp phù sanh, nghĩ lại chẳng bao lâu, tuy số định trăm năm chớ ít người bảy chục, còn e 2 nẻo rủi may: Đường may là người nhờ kiếp làm quan trung quân ái quốc, giữ tánh thanh liêm, dạy dân lễ nghĩa, hồi đầu tỉnh ngộ lo tu, đời sau hưởng phước; còn gặp đường rủi là: Làm quan chẳng dạ ngay vua, mạnh thế lộng quyền, hữu hoài oán nghịch chi tâm, chẳng giữ thanh liêm, hiệp dân, thâu hối lộ làm giàu, bức hiếp kẻ nghèo mà làm cự phú, chác sự oan gia trái chủ, thời phải bị sanh liểu hựu tử, tử liểu hựu sanh, luân hồi chẳng dứt.

Nay gặp Trời ân xá lần ba, khuyên thiện nam tín nữ lo tu bồi đạo đức mà hưởng phước ngày sau, còn người mộ việc tu hành cũng thành Chánh quả. Nếu tu thời bỏ hết cuộc giàu sanh vui sướng ở thế gian. Hãy biết thế gian, muôn việc đều giả, trăm kế cũng không.

THI rằng

*Khán đặc phù sanh nhứt thế KHÔNG,
Điền viên sản nghiệp diệc giai KHÔNG.
Thê nhi phụ tử chung ly biệt,
Phú quý công danh tổng thị KHÔNG.
Cổ ngữ vạn ban đô thị giả,
Kim ngôn bá kế nhứt trường KHÔNG.
Tiền tài thâu thập đa tân khổ,
Lộ thượng huỳnh tuyền lương thủ KHÔNG.*

QUAN ÂM NHƯ LAI

Sơ Lược Tiểu Sử

ĐỨC QUAN THỂ ÂM BỒ TÁT
NHỊ TRẦN OAI NGHIÊM

Tùng Thiên - Từ Bạch Lạc